

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 374/2023/DS-PT
Ngày: 13-11-2023
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các thẩm phán: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Trần Thị Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023, về “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 641/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1975 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đường N, Khu phố C, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T1: Ông Nguyễn N, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Số E Tô I, Đường I, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2022 và ngày 25/10/2022)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1957 (có mặt).

HKTT: Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: Khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Minh H, sinh năm 1968 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố C, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1945 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

4. Ông Lê Phát L1, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà G, đường L, Khu phố C, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

5. Nguyễn Thị Bích T4, sinh năm 2008.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị T1 (là cha mẹ của Nguyễn Thị Bích T4).

Địa chỉ: Khu phố C, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị T1 và lời trình bày của nguyên đơn, của người đại diện theo ủy quyền trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 có một căn nhà tại khu phố C, Phường A, thị xã K (nhà xây trên thửa đất do ông Nguyễn Hữu T3 đứng tên), kết cấu nhà tường gạch, mái lợp tole, nền gạch men, có mái che, sàn nước. Ngày 11/6/2021, ông Nguyễn Văn T2 hợp đồng đổ đất tại vị trí đất liền kề nhà ông T, bà T1. Quá trình ông T2 cho xe ben chở đất chạy qua sát nhà ông T, bà T1 đã làm hư hỏng lún, nứt nhà. Sự việc trên đã được Ủy ban nhân dân Phường A lập biên bản ghi nhận hiện trạng.

Những người ở trong căn nhà nêu trên có ông T, bà T1 và 01 cháu nhỏ là Nguyễn Thị Bích T4, sinh năm 2008 (con ông T, bà T1) đang sinh sống. Cháu Nguyễn Thị Bích T5, sinh năm 2002 hiện đang học đại học và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên đề nghị Tòa án không đưa cháu T5 vào là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì căn nhà trên là tài sản của ông T, bà T1.

Nay ông T và bà T1 yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 bồi thường theo Điều 601 Bộ luật Dân sự quy định về bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra. Theo đơn khởi kiện, ông T, bà T1 yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, nay xác định chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 63.435.000 đồng theo chứng thư thẩm định, ông T và bà T1 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 36.565.000 đồng.

Ông T và bà T1 không đồng ý về việc ông Nguyễn Hữu T3 bồi thường thay ông T2. Đối với tờ cam kết đề ngày 09/6/2021 giữa ông T3 với ông T2 về việc ông T3 chịu trách nhiệm bồi thường nếu có thiệt hại xảy ra thì đây thỏa thuận riêng của hai ông, vợ chồng ông T không biết và không đồng ý.

Người bị kiện ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T3 trình bày:

Vào năm 2007, ông T3 cho các con là ông T, bà T1 mượn một phần đất tại Khu phố C, Phường A, thị xã K để xây căn nhà cấp 4, thuộc một phần thửa đất số 233 và thửa số 304 tờ bản đồ số 1-8. Vào tháng 6/2021, ông thỏa thuận miệng mua đất đổ nền của ông Nguyễn Văn T2 để lấp phần đất hàm thuộc thửa đất số 304 giáp bên nhà của ông T, bà T1 với giá là 700.000 đồng/01 xe đất, loại xe ben, mỗi xe khoảng 10 khối đất, ông T2 có trách nhiệm chở đất đến vị trí mà ông cần đổ, ông T3 chỉ lỗi cho xe chở đất đi vào (xe chạy qua đất của ông H, bà L vị trí giáp với nhà ông T, bà T1). Ông H bà L là người cho mượn đường để xe chở đất đi qua chứ không phải là người hợp đồng mua đất đổ nền với ông T2.

Ngày 09/6/2021 trước khi đổ đất 2 ngày ông có thỏa thuận với ông T2 và làm tờ cam kết về việc nếu xe đổ đất chạy qua có làm hư hỏng tài sản của ai thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù. Việc thỏa thuận này là giữa ông và ông T2, vợ chồng ông T không biết. Trước ngày đổ đất 01 ngày con trai ông là Nguyễn Bảo L2 (sống chung với ông) có xuống thương lượng với bà T1 nếu quá trình đổ đất gây ra hư hỏng nhà thì anh em trong gia đình sẽ xây cất lại cho ông T bà T1, được bà T1 đồng ý nên mới cho xe chạy qua (việc này cũng là nói miệng).

Sau khi xe chạy trong buổi sáng được khoảng 28 chuyên, thì xuất hiện hư hỏng nhà của ông T, bà T1. Bà T1 không đồng ý nên đã ngưng việc đổ đất cho đến nay.

Ông đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông T bà T1 thay ông T2 nhưng không đồng ý số tiền 63.435.000 đồng vì theo ông là quá cao so với thực tế căn nhà của ông T bà T1 được tặng cho “nhà đồng đội” năm 2007 với giá trị 40.000.000 đồng, ông T bà T1 có bỏ thêm tiền xây dựng tu sửa gì không thì ông không biết. Nhà cũng đã sử dụng được 15 năm nên giá trị hao mòn theo thời gian. Ông chỉ đồng ý bồi thường thiệt hại thực tế xảy ra.

Hiện nay ông cũng đang khởi kiện yêu cầu ông T, bà T1 tháo dỡ nhà để trả lại quyền sử dụng đất cho ông, đang được Tòa án thụ lý giải quyết bằng vụ án riêng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh H trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Ông và bà L chỉ là người cho ông T3 mượn phần đất làm lối đi cho xe chở đất, ông bà không có nghĩa vụ bồi thường gì liên quan đến thiệt hại của ông T, bà T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phát L1 trình bày:

Ông T2 có làm giấy ủy quyền cho ông bằng chữ viết tay ngày 10/3/2022, đề nghị Tòa xem xét.

Ông L1 là người làm của ông T2, vào tháng 6/2021 ông T3 có thỏa thuận mua

đất đồ nền của ông T2 để lấp phần đất hầm ở Khu phố C, Phường A, thị xã K, khi mua các bên không có làm hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng. Giá mua là 600.000 đồng đến 700.000 đồng/xe đất. Ông T3 chỉ vị trí đất để ông T2 cho xe chạy vào. Ông L1 được ông T2 phân công xuống khảo sát trước khi đổ đất, sau khi khảo sát xong ông có báo lại cho ông T2 về tình hình đổ đất sẽ gây ảnh hưởng đến căn nhà cấp 4 của ông T, bà T1 để ông T2 trao đổi với ông T3 về việc nếu xảy ra thiệt hại thì ai là người phải chịu trách nhiệm. Giữa ông T2 và ông T3 cũng đã làm tờ cam kết nếu có thiệt hại xảy ra thì ông T3 là người chịu trách nhiệm bồi thường, việc thỏa thuận này phía vợ chồng ông T có biết hay không thì ông không rõ.

Ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 là người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thị Bích T4 trình bày: Cháu T4 là con của ông bà, hiện đang sống chung với ông bà trong căn nhà bị hư hỏng do ông T2 gây ra. Ông T và bà T1 đại diện cháu T4 thống nhất như ý kiến, yêu cầu khởi kiện của ông bà. Đối với cháu Nguyễn Thị Bích T5, sinh năm 2002 hiện đang học và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đề nghị Tòa án không đưa cháu T5 vào là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, căn nhà cũng là tài sản của vợ chồng ông bà chứ không phải của cháu T5.

Tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 217, 218, 244, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, 588, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 về “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản” đối với ông Nguyễn Văn T2.

Buộc ông Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm bồi thường số tiền 53.874.000 đồng (Năm mươi ba triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) cho ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1.

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 bồi thường số tiền 9.561.000 đồng.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị T1 về yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 36.565.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 16.137.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu số tiền 2.863.000 đồng, ông T và bà T1 đã nộp xong.

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 phải nộp 478.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000608 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiên Tường. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn thừa cho ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 là 2.022.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn T2 phải nộp 2.693.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 22/8/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn T2 kháng cáo yêu cầu ông Nguyễn Hữu T3 có nghĩa vụ cùng với ông T2 liên đới bồi thường cho nguyên đơn số tiền 53.874.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 trình bày nội dung kháng cáo: Khi ông T2 đổ đất cho ông T3 san lấp thì ông T3 có hứa cam kết trong quá trình san lấp nếu có sạt lún nhà thì ông Tiếng là người có trách nhiệm bồi thường nên ông T3 phải cùng ông T2 liên đới bồi thường cho ông T, bà T1.

Nguyên đơn ông Nguyễn Công T và ông Nguyễn N là người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T1 trình bày: Ông Theo san lấp đất, trong quá trình san lấp đã gây sạt, lún, nứt tường nhà của ông T, bà T1 nên ông T2 phải là người bồi thường cho ông T, bà T1. Riêng ông T3 không có thỏa thuận gì với ông T, bà T1 nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo tờ cam kết đề ngày 09/6/2021 do ông Nguyễn Hữu T3 ký xác nhận có nội dung “Tôi có kêu ông T2 đổ đất này của tôi, nếu sau này xe chạy xảy ra hư hao về nhà cửa rạn nứt, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm hết, chứ bên ông Nguyễn Văn T2 hoàn toàn không chịu trách nhiệm sửa chữa”. Ông T2 thừa nhận đây là thỏa thuận giữa ông T3 và ông T2, vợ chồng ông T, bà T1 không biết sự thỏa thuận này. Nay ông T, bà T1 không đồng ý với thỏa thuận này nên ông T2 căn cứ vào tờ cam kết giữa ông T3 và ông T2 để yêu cầu ông T3 cùng có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông T, bà T1 là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T2, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 thực hiện đúng hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vắng mặt đã được tổng đạt hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đương sự vắng mặt đã có ý kiến trình bày lưu hồ sơ. Việc vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị T1 khởi kiện ông Nguyễn Văn T2 có địa chỉ tại thị xã K yêu cầu bồi thường vì cho rằng ông T2 đã làm thiệt hại về tài sản. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản là đúng quy định tại Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự và các Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 bồi thường thiệt hại về tài sản do nhà của nguyên đơn bị lún, nứt tường nhà với số tiền thiệt hại là 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 36.565.000 đồng; chỉ yêu cầu bồi thường 63.435.000 đồng. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T2 có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn số tiền 53.874.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông T2 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu ông Nguyễn Hữu T3 cùng với ông T2 liên đới bồi thường cho

nguyên đơn số tiền 53.874.000 đồng. Các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trong phạm vi liên quan đến yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T2 yêu cầu ông Nguyễn Hữu T3 liên đới với ông T2 bồi thường cho ông T, bà T1 số tiền 53.874.000 đồng, thấy rằng:

[4.1] Vào tháng 6/2021, ông T3 và ông T2 thỏa thuận về việc ông T3 mua đất đổ nền của ông T2, ông T2 cho xe ben chở đất đến vị trí mà ông T3 cần đổ tại Khu phố C, Phường A, thị xã K. Xe chạy trên phần đất của ông H, bà L giáp với nhà của ông T, bà T1. Sau khi đổ được khoảng 28 xe thì ngưng do bà T1 ngăn cản vì xe chạy gây lún và nứt nhà của vợ chồng bà. Sự việc này đã được Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã K lập biên bản ghi nhận hiện trạng.

[4.2] Theo biên bản ngày 17/6/2021 của Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã K lập biên bản làm việc ghi nhận về hiện trạng nhà của ông T, bà T1 như sau: Nhà bà T1 gồm 02 phần nhà chính kết cấu cột bê tông, tường gạch, mái tole và phần nhà phụ vách tole, mái tole. Tường nhà chính có 02 vết nứt: Vết nứt thứ nhất rộng khoảng 1mm, dài khoảng 1,2m; vết nứt thứ hai rộng khoảng 1mm, dài khoảng 1,8m. Cửa nhà chính và nhà phụ có một khoảng hở nền gạch rộng khoảng 3-5mm, dài khoảng 2m. Phần mái hiên phía trước nhà chính và nhà phụ có một khoảng hở nền xi măng rộng khoảng 2-4cm dài khoảng 4m. Phần sàn nước rộng khoảng 3m² có xây dựng tường gạch cao 1,6m bị sụt lún một góc sâu khoảng 30cm, phía trên sàn nước 01 phần mái tole bị sụp.

[4.3] Căn cứ Kết luận của Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần Đ có liên kết với Công ty Cổ phần K, Hồ sơ kiểm định công trình của Công ty K xác định thiệt hại cần sửa chữa căn nhà của ông T, bà T1 tổng là 63.435.000 đồng. Căn cứ Công văn số 2023108/HN-IVC ngày 11/4/2023 của Công ty Cổ phần Đ về việc cung cấp thông tin tổng chi phí sửa chữa hư hỏng của công trình thì trong số tiền 63.435.000 đồng nêu trên xác định chi phí sửa chữa hư hỏng, thiệt hại của công trình nhà ở (tường nứt, nền sụt lún, ...) phát sinh do bên gây thiệt hại gây ra là 53.874.000 đồng; chi phí sửa chữa các hạng mục tạm thời được xác định hư hỏng do quá trình sử dụng và hao mòn tự nhiên gây ra là 9.561.000 đồng.

Như vậy, việc ông T2 cho xe chở đất chạy qua gần nhà của bà T1 và ông T làm cho phần nhà ông T, bà T1 có thiệt hại như trên là có thật. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất về ai là người có nghĩa vụ bồi thường. Bị đơn ông T2 cho rằng khi ông đổ đất cho ông T3 thì ngày 09/6/2021, ông T3 có viết tờ cam kết bồi thường cho ông T, bà T1 nếu có thiệt hại xảy ra nên nay ông T3 phải cùng ông T2 bồi thường cho ông T, bà T1.

[4.4] Xét tờ cam kết đề ngày 09/6/2021 (BL 193) do ông Nguyễn Hữu T3 ký xác nhận có nội dung “Tôi có kêu ông T2 đổ đất này của tôi, nếu sau này xe chạy xảy ra hư hao về nhà cửa rạn nứt, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm hết, chứ bên ông Nguyễn Văn T2 hoàn toàn không chịu trách nhiệm sửa chữa”. Tuy nhiên, việc ông T3 với ông T2 tự thỏa thuận nêu trên, vợ chồng ông T bà T1 không biết. Sự thỏa thuận riêng giữa ông T3 và ông T2 không có sự đồng ý của người bị thiệt hại là ông T, bà T1 nên không có giá trị pháp lý ràng buộc với ông T, bà T1. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T2 có nghĩa vụ bồi thường cho ông T, bà T1 thiệt hại thực tế xảy ra với số tiền 53.874.000 đồng là có căn cứ. Ông T2 có quyền khởi kiện ông T3 liên quan đến thỏa thuận trên thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ông T2 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn T2 không được chấp nhận nên ông T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T2.

Giữ nguyên quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2023/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 217, 218, 244, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 588, Điều 589 Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 về “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản” đối với ông Nguyễn Văn T2.

Buộc ông Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm bồi thường số tiền 53.874.000 đồng (năm mươi ba triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) cho ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1.

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 bồi thường số tiền 9.561.000 đồng (chín triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng).

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T, bà Nguyễn Thị T1 về yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 36.565.000 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 16.137.000 đồng (mười sáu triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 phải chịu số tiền 2.863.000 đồng (hai triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng), (ông T và bà T1 đã nộp xong).

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Buộc ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 phải nộp 478.000 đồng (bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000608 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn thừa cho ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị T1 là 2.022.000 đồng (hai triệu không trăm hai mươi hai nghìn đồng).

5.2. Buộc ông Nguyễn Văn T2 phải nộp 2.693.500 đồng (hai triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn T2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000198 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về hiệu lực của bản án: Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TX Kiến Tường;
- Chi cục THADS TX Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân